

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HÓC MÔN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Bản án số: 1155/2018/DS-ST

Ngày: 30/11/2018

V/v tranh chấp hợp đồng gia công

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Văn Huy.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Lê Viết Đ.

2. Ông Võ Thanh Bình.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lưu Nguyễn Huy Hoàng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Tp.Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Tp.Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Quang Tuấn – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Tp.Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 613/2018/TLST-DS ngày 24/9/2018 về “Tranh chấp hợp đồng gia công”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 656/2018/QĐXXST-DS ngày 19/10/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 614/2018/QĐST-DS ngày 09/11/2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1993.

Địa chỉ: 142A/9 ấp N 2, B, D, tỉnh Bình Dương.

2. *Bị đơn:* Công ty T (vắng mặt).

Địa chỉ trụ sở: 47/25 Phan Văn Hón, Ấp E, xã X, huyện Hóc Môn, Tp.Hồ Chí Minh.

Địa chỉ chi nhánh: 54D ấp Đ, xã Y, huyện Hóc Môn, Tp.Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị L – Giám đốc công ty; Địa chỉ: 170/24 Đường H, Phường N, Quận K, Tp.Hồ Chí Minh (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 11/9/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ trình bày:*

Ông Đ và Công ty TNHH XNK may T đã ký với nhau 05 hợp đồng gia công túi xách, tổng trị giá là 79.634.800 đồng, gồm: số 01/TBD-Đ ngày 19/01/2018 trị giá 18.557.000 đồng; số 02/TBD-Đ ngày 22/02/2018 trị giá 5.500.000 đồng; số

03/TBD-Đ ngày 22/3/2018 trị giá 7.590.000 đồng; số 04/TBD-Đ ngày 10/4/2018 trị giá 36.253.000 đồng; số 05/TBD-Đ ngày 12/6/2018 trị giá 11.734.800 đồng.

Theo hợp đồng, Công ty phải thanh toán trong vòng 45 đến 60 ngày kể từ ngày nhận lại túi xách đã gia công nhưng Công ty không thanh toán. Ngày 05/9/2018, Công ty đã đóng cửa, bỏ trốn. Vì vậy, ông Đ khởi kiện yêu cầu Công ty phải thanh toán số tiền còn nợ là 79.634.800 đồng. Ông Đ xác nhận đây là việc của cá nhân ông tự chịu trách nhiệm, không liên quan đến người khác và ông đề nghị Tòa án không triệu tập người khác tham gia tố tụng trong vụ án này.

*Bị đơn:* Công ty T có đại diện theo pháp luật là bà Nguyễn Thị L đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án nhưng vắng mặt không có lý do.

*Tại phiên tòa:*

Phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn: Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Các đương sự được bảo đảm thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Về việc giải quyết vụ án: Có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thanh toán tiền gia công túi xách còn nợ theo hợp đồng; Bị đơn có địa chỉ trụ sở tại huyện Hóc Môn. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, đây là tranh chấp hợp đồng gia công và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Bị đơn Công ty T và người đại diện theo pháp luật là bà Nguyễn Thị L đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, trong đó có Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 656/2018/QĐXXST-DS kèm các Giấy triệu tập số 1122, 1123/GTT ngày 19/10/2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 614/2018/QĐST-KDTM kèm các Giấy triệu tập số 1136, 1137/GTT ngày 09/11/2018 nhưng vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn là ông Nguyễn Văn Đ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu khởi kiện trong vụ án: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán khoản tiền gia công túi xách còn nợ theo hợp đồng, bị đơn là Công ty T (sau đây gọi tắt là Cty T), có người đại diện theo pháp luật là bà Nguyễn Thị L không có ý kiến phản hồi nên trong vụ án này, Hội đồng xét xử chỉ xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Về yêu cầu thanh toán số tiền 79.634.800 đồng:

Tại các hợp đồng gia công túi xách: số 01/TBD-Đ ngày 19/01/2018, số 02/TBD-Đ ngày 22/02/2018, số 03/TBD-Đ ngày 22/3/2018, số 04/TBD-Đ ngày 10/4/2018, số 05/TBD-Đ ngày 12/6/2018, có căn cứ xác định ông Đ đã nhận gia công túi xách cho Cty T theo số lượng, chủng loại, đơn giá, giá trị bằng tiền cụ thể của từng hợp đồng, điều kiện giao nhận túi xách và thời hạn thanh toán, nghĩa vụ và quyền hạn của các bên. Giao kết giữa hai bên tại hợp đồng phù hợp với quy định tại Điều 542, Điều 543 của Bộ luật dân sự 2015.

Tổng giá trị của 05 hợp đồng gia công túi xách nêu trên là 79.634.800 đồng, cụ thể cho từng hợp đồng: số 01/TBD-Đ ngày 19/01/2018 là 18.557.000 đồng, số 02/TBD-Đ ngày 22/02/2018 là 5.500.000 đồng, số 03/TBD-Đ ngày 22/3/2018 là 7.590.000 đồng, số 04/TBD-Đ ngày 10/4/2018 là 36.253.000 đồng và số 05/TBD-Đ ngày 12/6/2018 là 11.734.800 đồng. Theo ông Đ, Công ty T chưa thanh toán bất cứ khoản tiền nào.

Tại Điều 5 của các hợp đồng gia công túi xách nêu trên xác định thời hạn Công ty T phải thanh toán cho ông Nguyễn Văn Đ là trong vòng 45 đến 60 ngày kể từ ngày giao lại túi xách đã gia công nhưng đến nay Công ty T chưa thanh toán là vi phạm thời hạn thanh toán.

Do đó, ông Đ yêu cầu Cty T phải thanh toán số tiền gia công còn nợ theo 05 hợp đồng gia công nêu trên với tổng số tiền 79.634.800 đồng là phù hợp quy định tại Điều 544, Điều 552 của Bộ luật dân sự 2015.

Tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định: "*Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ*". Bị đơn Cty T có người đại diện theo pháp luật là bà Nguyễn Thị L không có ý kiến phản hồi, không cung cấp tài liệu, chứng cứ nên phải tự chịu trách nhiệm.

Từ những nhận định trên, có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đúng như nội dung phát biểu tại phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, buộc Cty T phải thanh toán cho ông Đ số tiền còn nợ là 79.634.800 đồng.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn được trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238; Điều 147; Điều 266; Khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 280, 542, 543, 544 và 552 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc Công ty T phải thanh toán cho ông Nguyễn Văn Đ tổng số tiền 79.634.800 đồng (bảy mươi chín triệu sáu trăm ba mươi bốn nghìn tám trăm đồng), theo các hợp đồng gia công túi xách: số 01/TBD-Đ ngày 19/01/2018, số 02/TBD-Đ ngày 22/02/2018, số 03/TBD-Đ ngày 22/3/2018, số 04/TBD-Đ ngày 10/4/2018 và số 05/TBD-Đ ngày 12/6/2018.

Kể từ ngày ông Nguyễn Văn Đ có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Công ty T chưa thi hành khoản tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Công ty T phải chịu số tiền 3.981.740 đồng, thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền. Trả lại cho ông Nguyễn Văn Đ tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.000.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004493 ngày 24/9/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hóc Môn.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự .

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- TAND TP.HCM;
- VKSND huyện Hóc Môn;
- THA DS huyện Hóc Môn;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ.

**Phạm Văn Huy**